TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BM** **TỈNH VL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2021/HNGĐ-ST
Ngày:23/3/2021
"V/v Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà N T K L;

Ông S M.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 334/2020/TLST-HNGĐ về việc: *"Tranh chấp ly hôn",* ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST/HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị L T K H, sinh năm 1990 – Xin vắng.

Địa chỉ: Ấp M T, xã T M, huyện TÔ, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh L K Đ, sinh năm 1986 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp HT 1, xã Đ T, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn chị L T K H trình bày: Vào tháng 6 năm 2016, chị Hận và anh Lê Khắc Điệp quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn số: 62 ngày 22 tháng 9 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, thị xã BM, tỉnh VL theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa

chị H và anh Đ không có con chung, không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung.

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do khó khăn về kinh tế, do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Đ không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh L K Đ.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27 tháng 01 năm 2021 và ngày 17 tháng 02 năm 2021 nhưng anh L K Đ vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 17/02/2021, với nội dung: Chị H xin vắng mặt tại phiên tòa hôn nhân sơ thẩm do bận đi làm xa và cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

- Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 18/11/2020 của Công an xã ĐT), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị L T K H có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt đề ngày đề ngày 17/02/2021. Anh L K Đ được Tòa án triệu tập tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27 tháng 01 năm 2021 và ngày 17 tháng 02 năm 2021 nhưng anh Đ vắng mặt không lý do. Anh L K Đ được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hôn nhân sơ thẩm lần 1 vào ngày 08 tháng 3 năm 2021 nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST/HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 23 tháng 3 năm 2021 nhưng anh L K Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm

được tiến hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị L T K H và anh L K Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị H và anh Đ đã xảy ra sự việc vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L T K H là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị L T K H là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 39,177 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L T K H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị L T K H được ly hôn với anh L K Đ.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị L T K H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị H được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010554, ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị H đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân xã ĐT: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T